

NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

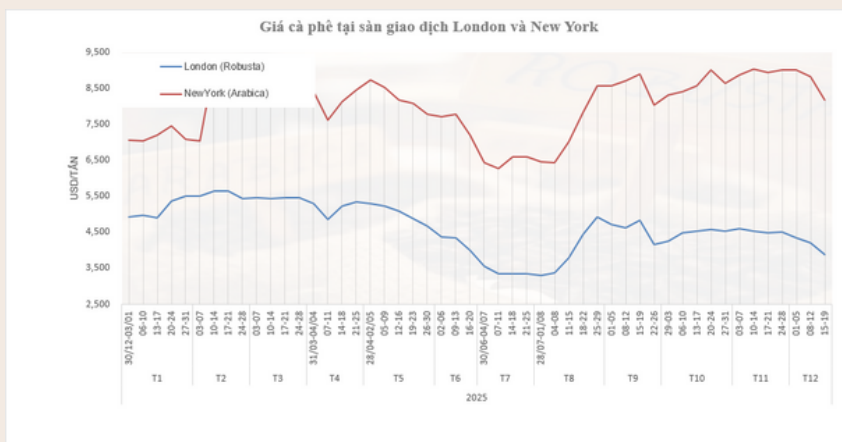
www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên hai sàn New York và London trong tuần từ 15/12/2025 - 19/12/2025.
- Theo USDA, sản lượng cà phê toàn cầu trong niên vụ tháng 10/2025–9/2026 được ước đạt 178,85 triệu bao, tăng 2,01% so với niên vụ trước.
- Giá cà phê bán lẻ tại Hoa Kỳ duy trì ở mức cao.
- Sản lượng cà phê của Brazil đạt từ 71 đến 74,4 triệu bao (7/2026-6/2027).
- Theo ICO, xuất khẩu cà phê của châu Phi đạt kỷ lục 1,18 triệu tấn trong năm 2025.



THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 15/12/2025 đến 19/12/2025, giá cà phê thế giới giảm trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 01/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.888 USD/tấn, giảm 7,8% so với tuần trước và giảm 23,9% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.042 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.774 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2025 bình quân đạt 8.187 USD/tấn, giảm 7,3% so với tuần trước, và tăng 14,3% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 8.757 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.608 USD/tấn.[1]

TRIỂN VỌNG CÀ PHÊ TOÀN CẦU NIÊN VỤ 2025-2026

USDA dự báo sản lượng cà phê toàn cầu trong niên vụ tháng 10/2025–9/2026 được ước đạt 178,85 triệu bao, tăng 2,01% so với niên vụ trước. Mức tăng này chủ yếu xuất phát từ đánh giá của các tùy viên nông nghiệp khu vực về triển vọng cải thiện tiềm năng sản xuất tại Indonesia và Việt Nam, hai quốc gia giữ vai trò quan trọng trong nguồn cung cà phê Robusta toàn cầu.[2]

Đối với Indonesia, quốc gia sản xuất cà phê chủ yếu là Robusta, USDA dự báo sản lượng niên vụ tháng 4/2025–3/2026 đạt khoảng 12,45 triệu bao, tăng 16,35%, tương đương 1,75 triệu bao so với cùng kỳ.[2]

Tại Việt Nam, ước tính sản lượng cà

phê trong niên vụ tháng 10/2025–9/2026 được ước đạt 30,80 triệu bao, tăng 6,20% (khoảng 1,80 triệu bao) so với niên vụ trước.[2]

Sản lượng cà phê của Brazil trong niên vụ tháng 7/2025–6/2026 được USDA dự báo đạt khoảng 63 triệu bao, giảm 3,08% so với năm trước. Về cơ cấu, Arabica giảm 13,64% xuống còn 38 triệu bao, trong khi Robusta tăng 19,05% lên 25 triệu bao. Dự báo tồn kho cuối kỳ của Brazil được điều chỉnh giảm đi 485 nghìn bao so với niên vụ trước.[2]

Về phía cầu, USDA dự báo nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu trong niên vụ 2025/2026 có thể đạt 173,85 triệu bao, tăng 1,34% so với niên vụ trước.

Với dự báo trên, niên vụ 2025/2026, thặng dư cà phê toàn cầu đạt khoảng 5 triệu bao.[2]

HOA KỲ

Giá cà phê bán lẻ tại Hoa Kỳ tiếp tục duy trì ở mức cao, bất chấp việc Tổng thống Donald Trump gần đây điều chỉnh và dỡ bỏ một số biện pháp thuế quan đối ứng. Theo các nhà môi giới, thương nhân và chuyên gia trong ngành, nguyên nhân chủ yếu không xuất phát trực tiếp từ thuế nhập khẩu mà từ tình trạng thiếu hụt nguồn cung hạt cà phê kéo dài trong năm trước, khiến giá cà phê nhân đã tăng gấp đôi trong vòng 12 tháng (tính đến tháng 3/2025).[3]

Các chuyên gia phân tích cho rằng cần ít nhất chín tháng để biến động giá nguyên liệu thô có thể tác động vào giá bán lẻ, do độ trễ trong tồn kho, rang xay và đàm phán giá với hệ thống phân phối. Do đó, ngay cả khi giá cà phê nhân có xu hướng hạ nhiệt trong bối cảnh dự báo thặng dư sản lượng toàn cầu niên vụ 2025/2026 và 2026/2027, người tiêu dùng Hoa Kỳ vẫn phải đối mặt với giá cà phê cao trong thời gian tới. Đáng chú ý, phần lớn mức tăng 18,8% của giá cà phê bán lẻ trong năm qua không liên quan đến thuế quan, trong khi mức tăng gần 35% của giá cà phê nhân trong giai đoạn áp thuế vẫn chưa được phản ánh đầy đủ lên thị trường bán lẻ.[3]

BRAZIL

Các báo cáo thời tiết từ Brazil cho thấy các vùng trồng cà phê Arabica trọng điểm tại khu vực Đông Nam đã ghi nhận lượng mưa ở mức thuận lợi tính đến tháng 12/2025, đồng thời dự kiến sẽ tiếp tục có mưa trong tuần tới. Nhiệt độ trong giai đoạn này được dự báo duy trì ổn định ở mức trung bình khoảng 25°C, qua đó tạo điều kiện khí hậu tương đối phù hợp cho sinh trưởng của cây cà phê.[4]

Trong bối cảnh đó, một tổ chức nghiên cứu và cung cấp thông tin giá nông sản quốc tế đã công bố dự báo sơ bộ mới nhất về sản lượng cà phê của Brazil cho niên vụ tháng 7/2026–6/2027. Theo dự báo này, tổng sản lượng cà phê của Brazil có thể đạt từ 71 đến 74,4 triệu bao. Xét theo cơ cấu, sản lượng cà phê Arabica, chủ yếu là cà phê chế biến tự nhiên, được ước đạt 46,5–49,0 triệu bao, tương ứng mức phục hồi khoảng 23,35%. Ngược lại, sản lượng cà phê Conilon Robusta được dự báo ở mức 24,6–25,4 triệu bao, giảm khoảng 5,93% so với vụ trước.[4]



XUẤT KHẨU CÀ PHÊ CHÂU PHI

Theo báo cáo của ICO, xuất khẩu cà phê của châu Phi đã đạt mức kỷ lục 1,18 triệu tấn trong năm 2025, trong đó Ethiopia và Uganda chiếm gần 80% tổng khối lượng. Cụ thể, xuất khẩu của Ethiopia tăng 27,3%, đạt 442.200 tấn, trong khi Uganda ghi nhận mức tăng 29,6%, lên 495.600 tấn. Đà tăng trưởng này được thúc đẩy bởi sản lượng thu hoạch thuận lợi, cải cách chính sách của chính phủ, khả năng tiếp cận thị trường tốt hơn của các nhà xuất khẩu, giá cà phê thế giới duy trì ở mức cao và lượng tồn kho lớn được giải phóng. Bên cạnh đó, chiến lược tiếp cận thị trường hiệu quả, đặc biệt với các đối tác như Đức, Hoa Kỳ, Ả Rập Xê Út và chính sách miễn thuế của Trung Quốc, cũng góp phần mở rộng xuất khẩu. Diễn biến tích cực của châu Phi diễn ra trong bối cảnh xuất khẩu cà phê toàn cầu giảm nhẹ 0,3% do sản lượng suy yếu tại Nam Mỹ. Hiện châu Phi chiếm 11,6% xuất khẩu cà phê toàn cầu và đặt mục tiêu nâng tỷ trọng lên 20% vào năm 2030, với các sáng kiến mở rộng sản xuất tại Tanzania và nhiều quốc gia khác.[5]

TIẾP TỤC ĐIỀU CHỈNH EUDR

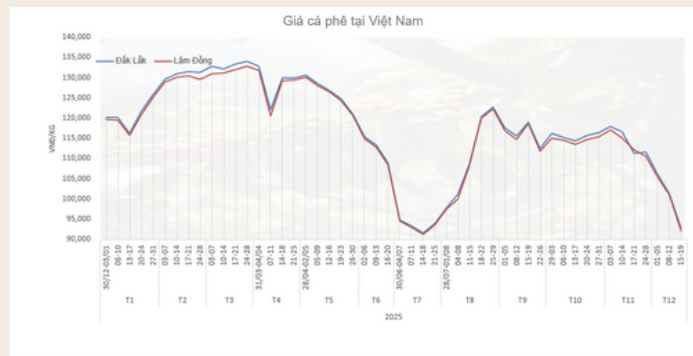
Nghị viện châu Âu đã thông qua các sửa đổi có mục tiêu đối với EUDR, nhằm tăng tính khả thi trong thực thi mà vẫn bảo đảm mục tiêu chống biến đổi khí hậu và suy giảm đa dạng sinh học. Với 405 phiếu thuận, 242 phiếu chống và 8 phiếu trắng, các điều chỉnh này chính thức hóa thỏa thuận đạt được với các quốc gia thành viên vào ngày 4/12/2025. Theo đó, tất cả doanh nghiệp được gia hạn thêm một năm để tuân thủ quy định mới; các nhà khai thác và thương nhân lớn áp dụng từ ngày 30/12/2026, trong khi doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ áp dụng từ ngày 30/6/2027. Song song với việc lùi thời hạn, các yêu cầu thẩm định được đơn giản hóa khi các nhà khai thác sơ cấp quy mô nhỏ chỉ cần nộp một bản kê khai rút gọn một lần, còn trách nhiệm kê khai đầy đủ chỉ thuộc về doanh nghiệp đưa sản phẩm ra thị trường EU lần đầu. Ủy ban châu Âu có trách nhiệm đánh giá tác động và gánh nặng hành chính trước ngày 30/4/2026. Theo báo cáo viên Christine Schneider, các điều chỉnh này giúp bảo vệ rừng hiệu quả hơn đồng thời tránh áp đặt nghĩa vụ không cần thiết, đảm bảo tính thực tiễn và khả thi của chính sách.[6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng và Đắk Lắk giảm so với tuần trước.
- Sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2025–2026 được dự báo tăng khoảng 10% so với niên vụ trước.
- Giá cà phê trong nước đã giảm liên tiếp 9 phiên, hiện ở mức 88.000–89.000 VNĐ/kg.
- Hoạt động tái canh đóng vai trò quan trọng trong thúc đẩy sản xuất cà phê tại TP. Hồ Chí Minh.
- Trường Đại học Ngoại thương và Simexco Đắk Lắk ký thỏa thuận hợp tác xây dựng chuỗi giá trị cà phê bền vững.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV Agreinfos

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 15/12/2025 đến ngày 19/12/2025, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk giảm so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 92.933 VNĐ/kg, giảm 8,4% so với tuần trước, và giảm 25,2% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 97.233 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 89.233 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 92.180 VNĐ/kg, giảm 8,8% so với tuần trước, và giảm 24,9% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 96.700 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 88.500 VNĐ/kg. [1]

SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VIỆT NAM NIÊN VỤ 2025-2026

Sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2025–2026 được dự báo tăng khoảng 10% so với niên vụ trước, phù hợp với các ước tính đã công bố, phản ánh triển vọng phục hồi tích cực của ngành sau giai đoạn biến động do thời tiết và thị trường. Xuất khẩu cà phê Robusta dự kiến tăng khoảng 7%, đạt 1,6 triệu tấn, trong khi tổng sản lượng Arabica và Robusta toàn quốc có thể đạt 1,9 triệu tấn.[2]

Trong bối cảnh tồn kho cà phê tại các quốc gia tiêu thụ chủ chốt đang duy trì ở mức thấp, nhu cầu nhập khẩu từ Việt Nam có xu hướng gia tăng. Tuy nhiên, tiêu thụ nội địa tăng lên cũng có thể làm thu hẹp dư địa dành cho xuất khẩu, qua đó phần nào kìm hãm tốc độ tăng trưởng xuất khẩu trong niên vụ tới. [2]

Mặc dù chịu tác động của bão và mưa lớn tại các vùng trồng trọng điểm như Đắk Lắk và Gia Lai, tiến độ thu hoạch đến đầu tháng 12 vẫn đạt tối thiểu 10%. Nhờ đầu tư vào cơ giới hóa và cải thiện khâu phơi sấy, chất lượng cà phê nhìn chung được đánh giá ổn định, với tỷ lệ diện tích bị ảnh hưởng ở mức thấp. [2]

GIÁ CÀ PHÊ TRONG NƯỚC

Giá cà phê trong nước đã giảm liên tiếp 9 phiên, hiện ở mức 88.000–89.000 VNĐ/kg, thấp hơn khoảng 15% so với đầu tuần trước và giảm gần 30% so với cùng kỳ năm ngoái, phản ánh sự điều chỉnh đáng kể sau giai đoạn tăng nóng kéo dài. Diễn biến này khiến nông hộ và đại lý thận trọng hơn trong giao dịch; nhiều hộ tại Tây Nguyên, đặc biệt ở Gia Lai, đã lựa chọn bán cà phê tươi sớm nhằm giảm rủi ro, với giá cà phê tươi hiện dao động 21.000–21.500 VNĐ/kg. Theo ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (Vicofa), đà giảm giá chịu tác động tổng hợp từ chính sách thương mại của Hoa Kỳ đối với cà phê Brazil, cùng với kỳ vọng nguồn cung cải thiện tại cả Brazil và Việt Nam khi điều kiện thời tiết thuận lợi hơn và sản lượng trong nước được dự báo tăng khoảng 5%. Dù vậy, Vicofa nhận định giá khó giảm sâu, nhiều khả năng dao động quanh mức 80.000 VNĐ/kg, trong bối cảnh cung – cầu toàn cầu vẫn tương đối căng thẳng. Về dài hạn, ngành cà phê Việt Nam cần ưu tiên tái canh, nâng cao năng suất và chất lượng thay vì mở rộng diện tích.[3]

TÁI CANH THÚC ĐẨY SẢN XUẤT CÀ PHÊ

Hoạt động tái canh đã đóng vai trò quan trọng giúp sản xuất cà phê tại TP. Hồ Chí Minh đạt kết quả “được mùa, được giá” trong vụ thu hoạch hiện nay, qua đó nâng cao thu nhập và tạo động lực cho nông dân duy trì cây trồng này. Việc chuyển đổi sang các giống cà phê năng suất cao, ít sâu bệnh đã giúp nhiều hộ gia tăng sản lượng, bù đắp cho mức giá có xu hướng giảm so với năm trước. Mặc dù giá cà phê năm nay thấp hơn đỉnh năm 2024, song vẫn duy trì quanh mức 95.000–100.000 VNĐ/kg, đủ bảo đảm lợi nhuận sau khi trừ chi phí sản xuất. Thực tế cho thấy, giá cà phê phục hồi mạnh từ năm 2023 đã khuyến khích nông dân tái canh, mở rộng diện tích và đầu tư nâng cao chất lượng vườn cây. Bên cạnh đó, mô hình liên kết giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp góp phần ổn định đầu ra, bảo đảm quy trình canh tác và nâng cao giá trị sản phẩm. Trong bối cảnh diện tích cà phê toàn thành phố đạt gần 3.000 ha, việc tiếp tục thúc đẩy tái canh, chuyển giao kỹ thuật và xây dựng thương hiệu được xem là hướng đi bền vững cho ngành cà phê.[4]

XÂY DỰNG CHUỖI CÀ PHÊ BỀN VỮNG

Ngày 17/12, Trường Đại học Ngoại thương (FTU) và Simexco Đắc Lắc đã ký kết thỏa thuận hợp tác nhằm xây dựng chuỗi giá trị cà phê bền vững, đáp ứng các tiêu chuẩn ngày càng khắt khe của thị trường xuất khẩu. Theo thỏa thuận, FTU, thông qua Trung tâm Sáng tạo và Ươm tạo (FIIS), tham gia trực tiếp với vai trò tư vấn, cố vấn và hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu cho Simexco trong quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển bền vững dựa trên khung quản trị ESG. Trọng tâm hợp tác là xây dựng lộ trình ESG có cơ sở khoa học, phù hợp với đặc thù ngành cà phê và điều kiện sản xuất tại Việt Nam, tránh triển khai mang tính hình thức. Bên cạnh đó, hai bên phối hợp xây dựng khung tham chiếu ESG chuyên biệt cho ngành cà phê, kết hợp chuẩn mực quốc tế với bối cảnh trong nước. Hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực thực hành ESG cho đội ngũ quản lý và cán bộ chuyên môn cũng được triển khai theo nhu cầu thực tiễn. Thỏa thuận này được kỳ vọng trở thành mô hình tiêu biểu gắn kết hiệu quả giữa tri thức học thuật và thực tiễn doanh nghiệp trong tiến trình phát triển bền vững.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	96,700	94,500	92,500	88,700	88,500	92,180	-8,920
Di Linh	96,700	94,500	92,500	88,700	88,500	92,180	-8,920
Lâm Hà	96,700	94,500	92,500	88,700	88,500	92,180	-8,920
Bảo Lộc	96,700	94,500	92,500	88,700	88,500	92,180	-8,920
ĐẮK LẮK	97,233	95,233	93,233	89,733	89,233	92,933	-8,547
Cư M'gar	97,300	95,300	93,300	89,800	89,300	93,000	-8,680
Ea H'leo	97,200	95,200	93,200	89,700	89,200	92,900	-8,480
Buôn Hồ	97,200	95,200	93,200	89,700	89,200	92,900	-8,480
ĐẮK NÔNG	97,450	95,450	93,450	89,950	89,450	93,150	-8,640
Gia Nghĩa	97,500	95,500	93,500	90,000	89,500	93,200	-8,640
Đắk R'lấp	97,400	95,400	93,400	89,900	89,400	93,100	-8,640
GIA LAI	96,733	95,133	93,133	89,233	88,933	92,633	-8,520
Chư Prông	96,800	95,200	93,200	89,300	89,000	92,700	-8,520
Pleiku	96,700	95,100	93,100	89,200	88,900	92,600	-8,520
La Grai	96,700	95,100	93,100	89,200	88,900	92,600	-8,520
KON TUM	96,700	95,100	93,100	89,200	88,900	92,600	-8,520
Đắk Hà	96,700	95,100	93,100	89,200	88,900	92,600	-8,520

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.reuters.com>
- [4]: <https://www.iandmsmith.com>
- [5]: <https://apanews.net>
- [6]: <https://www.europarl.europa.eu>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://vietnambiz.vn>
- [3]: <https://vnexpress.net>
- [4]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
- [5]: <https://laodong.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả